BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

B

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ HUYỆN ĐỊNH QUÁN

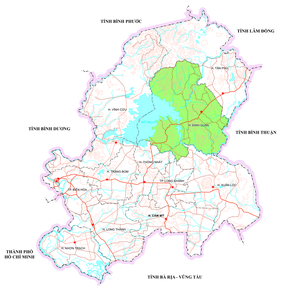

XÃ THANH SƠN

HUYỆN TÂN PHÚ

XÃ PHÚ TÂN

HUYỆN VĨNH CỬU

XÃ PHÚ VINH

XÃ PHÚ HÒA

XÃ PHÚ LỢI

TT. ĐỊNH QUÁN

XÃ NGỌC ĐỊNH

XÃ LA NGÀ

HUYỆN TRẢNG BOM

XÃ PHÚ NGỌC

XÃ TÚC TRƯNG

XÃ GIA CANH

TỈNH BÌNH THUẬN

XÃ PHÚ CƯỜNG

XÃ PHÚ TÚC

XÃ SUỐI NHO

HUYỆN THỐNG NHẤT

HUYỆN XUÂN LỘC

THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên: 97.288,42 ha)

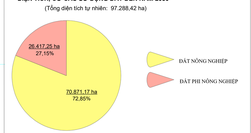

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU		NỘI DUNG
HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP
LUA	HNK	Đất trồng lúa
LUC	HNK	Đất chuyên trồng lúa nước
HNK	HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	HNK	Đất trồng cây lâu năm
RPH	RPH	Đất rừng phòng hộ
RDD	RDD	Đất rừng đặc dụng
RSX	RSX	Đất rừng sản xuất
RSN	RSN	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS	NTS	Đất nuôi trồng thuỷ sản
MAH	MAH	Đất nông nghiệp khác
		ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
CQP	DNG	Đất quốc phòng
CAN	DNG	Đất an ninh
SKK	KHK	Đất khu công nghiệp
SKN	KHK	Đất cụm công nghiệp
TMD	TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKX	SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DHT	DHT	Đất phát triển hạ tầng
DGT	DGT	Đất giao thông
DTL	DTL	Đất thủy lợi
DVH	DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	DNL	Đất công trình năng lượng
DBV	DBV	Đất công trình bưu chính, viễn thông
DKG	DKG	Đất xây dựng khu dự trữ quốc gia
TON	TON	Đất cơ sở tôn giáo
DDT	DDT	Đất có di tích lịch sử - văn hóa
NTD	NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DRA	DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải
DKH	DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ
DCH	DCH	Đất chợ
DDL	DDL	Đất danh lam thắng cảnh
DSH	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng
DKV	DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	ODT	Đất ở tại đô thị
TSC	TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	DTS	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp
TIN	TIN	Đất cơ sở tín ngưỡng
MNC	MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		CÁC KÝ HIỆU KHÁC
		Địa giới hành chính tỉnh
		Địa giới hành chính huyện
		Địa giới hành chính xã, thị trấn
		Trụ sở UBND huyện
		Trụ sở UBND xã, thị trấn
		Đình, chùa, miếu, đền
		Nhà thờ, giáo xứ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động, sân bóng
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đường điện và hành lang an toàn
		Đường giao thông
		Cầu, cống
		Kênh, mương
		Sông, suối
		Đường bình độ và điểm độ cao
		Ranh giới hành lang bảo vệ nguồn nước
		Ranh giới hành lang bảo vệ lòng hồ Trị An
		Ranh khu vực dự trữ phát triển
		Ranh giới đất đô thị
		Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp
		Ranh giới khu lâm nghiệp
		Ranh giới khu du lịch
		Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
		Ranh giới khu phát triển công nghiệp
		Ranh giới khu đô thị
		Ranh giới khu thương mại - dịch vụ
		Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ
		Ranh giới khu dân cư nông thôn

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 20..	*Định Quán, ngày ..... tháng ..... năm 20..*	*Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm .....*	*Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm .....*
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH

Bản đồ được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3° .

NGUỒN TÀI LIỆU CHÍNH:

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 10.000 hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp;
- Bản đồ địa giới hành chính thực hiện theo Dự án 513;
- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất huyện Định Quán tỷ lệ 1:25 000 được thành lập năm 2020;
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai, thành lập năm 2017.

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai